

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 414/QĐ-UBND

Gia Lai, ngày 20 tháng 3 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục gồm 05 thủ tục hành chính mới và 11 thủ tục hành chính bãi bỏ trong lĩnh vực bảo trợ xã hội thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND các huyện, thị xã, thành phố

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát TTHC;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính.

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 19/TTr-SLĐTBXH ngày 14/3/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục gồm 05 thủ tục hành chính mới thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND các huyện, thị xã, thành phố theo Quyết định số 1789/QĐ-LĐTBXH ngày 13/12/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố phương án đơn giản hoá thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo trợ xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (*Phụ lục I kèm theo*).

Điều 2. Bãi bỏ 11 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND các huyện, thị xã, thành phố (*Phụ lục II kèm theo*).

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC - Văn phòng Chính phủ;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- UBND cấp xã (UBND huyện sao gửi);
- Sở Thông tin và Truyền thông (Phòng CNTT);
- Lưu: VT, NC.

CHỦ TỊCH

Võ Ngọc Thành





PHỤ LỤC I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI THUỘC THẨM QUYỀN
GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN
(Bảng kèm theo Quyết định số 4/44/QĐ-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai)

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
01	Thủ tục thực hiện, điều chỉnh, thời hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng.	28 ngày làm việc	- Đối tượng hoặc người giám hộ của đối tượng bảo trợ xã hội làm hồ sơ theo quy định nộp (gửi) tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã. - Kể từ ngày nhận được biên bản kết luận của Hội đồng xét duyệt, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản (kèm theo hồ sơ của đối tượng) gửi Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Không	- Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 củ Chính phủ. - Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 củ Chính phủ.
02	Thủ tục chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.	06 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã và Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Không	- Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 củ Chính phủ. - Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 củ Chính phủ.
03	Thủ tục quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối	08 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã và Bộ phận tiếp	Không	- Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 củ

04	<p>tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.</p> <p>Thủ tục đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung hoặc cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội.</p>	05 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Không	<p>Chính phủ. - Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ.</p> <p>- Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ. - Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.</p>
05	<p>Thủ tục cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội.</p>	15 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Không	<p>- Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ. - Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ.</p>

AK

PHỤ LỤC II

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÀI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA

UBND CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ

(Bảng hành kèm theo Quyết định số: 414 /QĐ-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)



STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính
01	B-BLD-286117-TT	Thực hiện hỗ trợ kinh phí chăm sóc đối với hộ gia đình có người khuyết tật đặc biệt nặng
02	T-GLA-284248-TT	Thực hiện hỗ trợ kinh phí chăm sóc đối với hộ gia đình có người khuyết tật đặc biệt nặng
03	BLĐ-TBVXH-GLA-286114	Hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ (bao gồm cả người khuyết tật đặc biệt nặng)
04	T-GLA-284245-TT	Hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ (bao gồm cả người khuyết tật đặc biệt nặng)
05	Quyết định 997/QĐ-UBND ngày 20/10/2016	Thủ tục thực hiện, điều chỉnh, thời hướng trợ cấp xã hội hàng tháng cho đối tượng bảo trợ xã hội (bao gồm cả người khuyết tật; người khuyết tật mang thai, nuôi con dưới 36 tháng tuổi)
06	Quyết định 997/QĐ-UBND ngày 20/10/2016	Thủ tục thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh
07	Quyết định 997/QĐ-UBND ngày 20/10/2016	Thủ tục thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh
08	Quyết định 997/QĐ-UBND ngày	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động cơ sở chăm sóc người khuyết tật; cơ sở chăm sóc người cao tuổi thuộc trách nhiệm quản lý của cấp huyện

	20/10/2016	
09	Quyết định 997/QĐ – UBND ngày 20/10/2016	Thủ tục thành lập cơ sở bảo trợ xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện
10	BLĐ-TB VXH-GLA- 286380	Thành lập cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc UBND cấp huyện
11	BLĐ-TB VXH-GLA- 286381	Tổ chức lại, giải thể cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc UBND cấp huyện